

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2021/DS-PT

Ngày: 11 -11 -2021

V/v tranh chấp đòi lại tài sản
là quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cửa.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2021/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 197/2021/QĐPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lư Văn C, sinh năm: 1948; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1944; chết ngày 30/3/2020;

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị V:

1. Chị Lư Thị H, sinh năm: 1966; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 06/9/2021)

Địa chỉ: Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chị Lư Thị P, sinh năm: 1970; *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 06/9/2021)*

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Anh Lư Văn N, sinh năm: 1968; *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 10/10/2019)*

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện B;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn D - chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B là người đại diện theo pháp luật. *(có yêu cầu xét xử vắng mặt).*

2. Anh Lư Nhật S, sinh năm: 2002; *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 17/9/2021)*

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Chị Lư Thị H, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Số nhà 118, Đường 3/2, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Chị Lư Thị P, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Anh Lư Văn N, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lư Văn C;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/04/2015, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 10/10/2019, biên bản hòa giải ngày 11/10/2009 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lư Văn C trình bày:

Năm 1966 ông và bà Nguyễn Thị V có đăng ký kết hôn tại xã P, quận T, tỉnh Kiến Hòa dưới thời nhà nước Việt Nam Cộng Hòa. Từ khi kết hôn đến nay ông và bà V chưa ly hôn cũng chưa có cơ quan nhà nước nào giải quyết ly hôn cho ông bà. Năm 1975, cha ông là cụ Lư Văn T, mẹ là cụ Nguyễn Thị P có cho ông phần đất diện tích 6629,2m² tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau đó, ông có vợ khác đi về ấp H, xã C sinh sống và ly thân với bà V cho đến nay không ở trên đất tranh chấp. Lúc đi, ông kêu các mẹ con bà V về trên đất tranh chấp quản lý sử dụng đất sinh sống. Năm 2005 không biết vì lý do gì bà V

được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này là thửa 633, 634, tờ bản đồ số 1 (số liệu chính quy là thửa số 3, tờ bản đồ số 1). Ông cho rằng trước đây ông đứng tên quyền sử dụng phần đất này nhưng ông làm thất lạc không còn chứng cứ. Nguồn gốc đất của gia đình ông cho ông sau khi kết hôn với bà V. Bà V cùng các con ông chiếm giữ và sang tên ông không biết. Bà V đã chết vào ngày 30/3/2020. Ông chỉ tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất của ông không yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất. Đối với thửa số 3, diện tích 64,2m² theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 03/10/2019 ông không yêu cầu vì đã thống nhất ranh theo hiện trạng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị V là Lư Thị H, Lư Thị P, Lư Văn N phải trả lại ông phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 6616,6m² thuộc thửa 03, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre. Đối với cây trồng, nhà cửa trên đất ông đồng ý bồi hoàn giá trị. Đối với chi phí đo đạc định giá 5.224.000 đồng ông tự nguyện chịu không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị V là Lư Thị H, Lư Thị P, Lư Văn Nhật trình bày:

Các anh chị là con chung của ông Lư Văn C, bà Nguyễn Thị V. Anh chị thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị V trong các biên bản của tòa án. Hiện nay bà V đã chết, các anh chị không đồng ý trả đất vì từ năm 1978 ông C, bà V đã ly thân; ông C bỏ mấy mẹ con bà V theo người phụ nữ khác sinh sống. Ông bà nội thương tình nên kêu mẹ con ở lại cho phần đất canh tác sinh sống nuôi con. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà V được cấp ngày 06/5/1997 mang tên cá nhân bà Nguyễn Thị V nên ông C không có quyền đối với phần đất này. Phần đất bà V đứng tên là thửa 633, 634 tờ bản đồ số 1 (số liệu chính quy là thửa số 3, tờ bản đồ số 1) các anh chị cùng bà V canh tác từ năm 1978 đến nay trên 30 năm không có tranh chấp. Tuy nhiên nguồn gốc đất là của ông, bà nội cho, vì tình cha con nên các anh chị đồng ý chia một phần cho ông C sinh sống. Các anh chị không yêu cầu bồi hoàn cây trồng trên đất nếu ông C nhận được đất.

Tại công văn số 959/UBND-NC ngày 16/04/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Về quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị V tại thửa 633, 634 tờ bản đồ số 1 (số liệu chính quy là thửa số 3, bản đồ số 1) tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre là đúng quy trình của pháp luật. Do điều kiện công việc nên đại diện Ủy ban nhân dân huyện B yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/01/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lư Nhật S trình bày:

Anh là con của ông Lư Văn N, sinh sống trên đất với cha và bà nội Nguyễn Thị V từ nhỏ. Sau khi tòa án giải quyết kết quả như thế nào anh không có ý kiến, anh có cùng ý kiến với các cô Lư Thị H, Lư Thị P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định như sau:

Căn cứ vào các điều 35, 39, 91, 147, 188, 228, 254 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật đất đai 1993; Điều 166, 203 Luật đất đai 2013; Điều 166, 213, 219, 579, 580, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, 26, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lư Văn C đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị V là Lư Thị H, Lư Thị P, Lư Văn N về việc tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất.

2. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị V là Lư Thị H, Lư Thị P, Lư Văn N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lư Nhật S phải giao trả lại cho ông Lư Văn C phần đất ký hiệu thửa 3-2 diện tích 2207,7m², tờ bản đồ số 1 (trong đó có 100m² thổ cư gắn liền với thửa ký hiệu 3-2 diện tích 2207,7m², tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre, có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

Ông Lư Văn C, Lư Thị H, Lư Thị P, Lư Văn N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Tạm giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị V là Lư Thị H, Lư Thị P, Lư Văn N quản lý phần đất ký hiệu thửa 3-1 diện tích 4408,9m², tờ bản đồ số 1 (trong đó có 200m² thổ cư gắn liền thửa ký hiệu 3-1 diện tích 4408,9m², tờ bản đồ số 1) tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre, có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo. Và một căn nhà, một nhà bếp gắn liền với diện tích thổ cư thuộc một phần thửa ký hiệu 3-1, tờ bản đồ số 1.

4. Ghi nhận những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Vút là chị Lư Thị H, chị Lư Thị P, anh Lư Văn N không yêu cầu bồi hoàn số cây trồng trên phần đất ông C được nhận nên không xét đến.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/5/2021, nguyên đơn ông Lư Văn C kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà V giao trả cho ông phần đất thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Lư Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà V vắng mặt tại phiên tòa. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định thửa đất số 03, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Châu Hưng, huyện B, tỉnh Bến Tre là tài sản chung chưa chia của ông C, bà V. Tuy nhiên, do bà V cùng các con có công sức đóng góp, gìn giữ, canh tác làm tăng giá trị đất nên chia tỷ lệ 1: 2, ông C nhận một phần, bà V nhận 2 phần là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lư Văn C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lư Văn C;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên Tòa phúc thẩm những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị V đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lư Thị H, chị Lư Thị P, anh Lư Văn N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lư Nhật S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt chị H, chị P, anh N và anh S theo quy định tại Khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn ông Lư Văn C được trợ giúp pháp lý thuộc diện người có công. Tuy nhiên, ông C cho rằng ông không yêu cầu người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp tại cấp phúc thẩm và yêu cầu Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án. Xét đây là sự tự nguyện của ông C nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án không có người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông C.

[2] Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 6616,6m² thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc đất các đương sự đều thống nhất của cha, mẹ ông C là cụ Lư Văn T và cụ Nguyễn Thị P. Nguyên đơn ông Lư Văn C cho rằng phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông cho ông nên ông khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại. Bị đơn bà Nguyễn Thị V cho rằng cụ T, cụ P thấy ông C bỏ theo người phụ nữ khác sinh sống vì thương cháu nội nên năm 1975, cụ T, cụ P cho bà V phần đất tranh chấp để nuôi con. Tuy nhiên cả ông C và bà V đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh được cụ T, cụ P tặng cho riêng phần đất này.

[3] Quá trình quản lý sử dụng đất: Tại Bản án số 22/DS-ST ngày 1/11/1994 của Tòa án nhân dân huyện B thể hiện ông C và bà Nguyễn Thị B đã sống chung với nhau từ năm 1975, chứng tỏ ông C đã ly thân với bà V và không còn sinh sống trên đất tranh chấp từ năm 1975. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C cũng thừa nhận bà V quản lý sử dụng đất từ năm 1975 nhưng việc bà V được quản lý sử dụng là ông giao cho bà V quản lý, sử dụng, canh tác nuôi con. Bà V cùng các con là Lư Thị H, Lư Thị P, Lư Văn N canh tác quản lý đất 40 năm ông C không có ý kiến đến năm 2015 ông mới tranh chấp nên bà V đã đủ điều kiện xác lập quyền sở hữu đối với phần đất tranh chấp. Năm 1997 bà V đi đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/5/1997 tại thửa 633, 634 tờ bản đồ số 1 (số liệu chính quy là thửa số 3, tờ bản đồ số 1) ông C không có ý kiến hay khiếu nại gì.

[4] Ông Lư Văn C khởi kiện yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị V là Lư Thị H, Lư Thị P, Lư Văn N phải trả lại

ông phần đất nêu trên. Xét thấy, phần đất tranh chấp đã được cấp quyền sử dụng cho cá nhân bà V nhưng có nguồn gốc của gia đình bên ông C cho. Cả ông C và bà V đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh được tặng cho riêng phần đất này nên có cơ sở xác định đất tranh chấp là tài sản chung chưa chia của ông C và bà V. Tuy nhiên, từ năm 1975 ông C bỏ đi nơi khác sinh sống, bà V cùng các con trực tiếp quản lý sử dụng đất ổn định, có công sức đóng góp, giữ gìn tôn tạo đất, làm tăng giá trị đất. Tại biên bản hòa giải ngày 27/01/2021, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bà V cũng đồng ý dành một phần đất cho ông C nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, chia tài sản chung của ông C, bà V đối với phần đất tranh chấp theo tỉ lệ 1:2, ông C nhận một phần, bà V hai phần là phù hợp. Ông Lư Văn C được nhận phần đất ký hiệu thửa 3-2 diện tích 2207,7m² thuộc một phần thửa số 3, tờ bản đồ số 1 (trong đó có 100m² thổ cư) tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lư Văn C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lư Văn C phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng. Tuy nhiên, ông C là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lư Văn C;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 2 Luật đất đai 1993; Điều 166, 203 Luật đất đai 2013; Điều 166, 213, 219, 579, 580, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, 26, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lư Văn C đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị V là Lư Thị H, Lư Thị P, Lư Văn N về việc tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất.

2. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị V là Lư Thị H, Lư Thị P, Lư Văn N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lư Nhật S phải giao trả lại cho ông Lư Văn C phần đất ký hiệu 3-2 diện tích 2207,7m² thuộc một phần thửa số 03, tờ bản đồ số 1 (thửa cũ là thửa 633, 634 tờ bản đồ số 1), trong đó có 100m² thổ cư gắn liền với thửa ký hiệu 3-2 diện tích 2207,7m² thuộc một phần thửa số 03, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

Ông Lư Văn C có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 633 diện tích 300m² và thửa 634 diện tích 5700m², cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Châu Hưng, huyện B, tỉnh Bến Tre đã cấp cho bà Nguyễn Thị V ngày 06/5/1997 để điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lư Văn C theo nội dung bản án đã tuyên.

3. Tạm giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị V là Lư Thị H, Lư Thị P, Lư Văn N quản lý phần đất ký hiệu 3-1 diện tích 4408,9m², thuộc một phần thửa số 03, tờ bản đồ số 1 (thửa cũ là thửa 633, 634 tờ bản đồ số 1), trong đó có 200m² đất thổ cư gắn liền phần đất ký hiệu 3-1 diện tích 4408,9m², thuộc một phần thửa số 03, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre và một căn nhà, một nhà bếp gắn liền trên thửa đất ký hiệu 3-1, tờ bản đồ số 1. (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

4. Ghi nhận những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị V là chị Lư Thị H, chị Lư Thị P, anh Lư Văn N không yêu cầu ông Lư Văn C bồi hoàn số cây trồng trên phần đất ông C được nhận.

5. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận ông Lư Văn C tự nguyện chịu chi phí đo đạc, định giá và đã nộp xong.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lư Văn C được miễn. Hoàn trả cho ông C tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014884 ngày 21/4/2015 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện B.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị V là Lư Thị H, Lư Thị P, Lư Văn N phải liên đới chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lư Văn C được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Kim Cua